|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  | | --- | | TỔ LỚN | | LỚP LỚN TÀ LU | | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|  | *Prao, ngày 10 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC**

**Năm học 2024 – 2025**

Căn cứ Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình Giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư số 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 7 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch của Tổ Lớn về kế hoạch giáo dục Mầm non năm học 2024 - 2025

Căn cứ vào tình hình thực tế của lớp Lớn Tà Lu năm học 2024 - 2025

Lớp Lớn Tà Lu đề ra những mục tiêu và nhiệm vụ của năm học 2024 - 2025 như sau:

**I.** **Tình hình của lớp:**

**1. Tình hình nhân sự:**

- Lớp gồm 2 giáo viên: Cô ALăng Thị Út

Cô ABing Thị Nái

+ Đại học: 2/2

+ Đảng viên: 2

**2. Tình hình học sinh:**

**a. Tổng số trẻ**

- Tổng số học sinh 24 trẻ trong đó:

- Trẻ có hộ khẩu tại địa phương: 24 trẻ

- Trẻ dân tộc thiểu số: 24 trẻ

- Nữ: 9 trẻ

- Nữ DT: 9 trẻ

**b. Kết quả cân đo trẻ đầu năm học:**

- Tổng số trẻ được cân đo đầu năm: 24 trẻ, tỷ lệ: 100 %

- **Cân nặng:**

+ Kênh bình thường: 21 trẻ ; tỷ lệ: 88 %

+ SDDTCC: 3, trẻ tỉ lệ: 13 %

+ Thừa cân: 0 trẻ, tỷ lệ 0 %

- **Chiều cao:**

+ Kênh bình thường: 21 trẻ ; tỷ lệ: 88 %

+ SDDTTC: 3, trẻ tỉ lệ: 13 %

+ SDDTCC: 3, trẻ tỉ lệ: 13 %

**c. Nề nếp, thói quen trẻ:**

- Trẻ có nề nếp, thích được đến trường, lớp, biết đoàn kết giúp đỡ bạn bè, hăng hái tham gia xây dựng bài.

- Trẻ chơi ngoan, đoàn kết, biết nhường nhịn và giúp đỡ bạn trong khi chơi.

- Trẻ có thói quen đến giờ đi ngủ, ngủ ngoan, ngủ đủ giấc, không nói chuyện và không treo chọc bạn khi ngủ.

- Trẻ có ý thức bảo quản, giữ gìn đồ chơi, không dập phá hoặc tranh đồ chơi của bạn.

- Trẻ trật tự, nghiêm túc, ngoan ngoãn, không nói chuyện riêng khi tham gia vào các hoạt động.

**3. Thuận lợi, khó khăn:**

**a. Thuận lợi:**

- Được sự quan tâm của BGH trường mầm non Prao – Tà Lu, của tổ chuyên môn và các bậc phụ huynh của lớp.

- Giáo viên đoàn kết, nhiệt tình yêu nghề có ý thức trong công việc được giao.

- 100% giáo viên sử dụng được CNTT.

- Trẻ ra lớp đầy đủ, vâng lời giáo viên.

- Cơ sở vật chất đảm bảo cho việc chăm sóc giáo dục trẻ.

**4. Khó khăn:**

- Một số phụ huynh cưng chiều trẻ quá mức nên ảnh hưởng không nhỏ cho giáo viên trong việc rèn nề nếp cũng như giáo dục trẻ.

- Giáo viên trẻ nên còn hạn chế về kinh nghiệm trong chuyên môn.

- Trẻ phần lớn là người dân tộc thiểu số nên vốn từ phổ thông của trẻ còn ít,

- Công tác phối kết hợp với phụ huynh còn gặp khó khăn (Một số ít phụ huynh do công việc làm ăn nên chưa dành nhiều thời gian quan tâm đến tình hình nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục của con em mình).

**II. Mục tiêu giáo dục năm học**

**1.** **Chăm sóc trẻ.**

- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. Phấn đấu cuối năm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi, thừa cân, béo phì giảm so với đầu năm học.

- Đảm bảo an toàn tuyệt đối về thể chất và tinh thần cho trẻ.

- Trẻ được phòng chống các dịch bệnh theo mùa.

- Kiểm tra sức khỏe của trẻ đầu năm: đo chiều cao, đo cân nặng, thị lực cho trẻ

- Trẻ được chăm sóc trong môi trường giáo dục an toàn- xanh- sạch- đẹp.

- Trẻ khỏe mạnh hồn nhiên, cơ thể phát triển cân đối hài hòa.

- Trẻ được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm, cân đo 3 lần/ năm, được theo dõi và đánh giá sự phát triển về cân nặng và chiều cao theo qui định. Giảm tỷ lệ trẻ mắc các bệnh so với đầu năm học.

- 100% trẻ có kỹ năng và thói quen vệ sinh cá nhân, vệ sinh răng miệng. 100% trẻ biết rửa mặt, rửa tay, tự mặc và cởi được quần áo...

- Đo chiều cao cân nặng, ghi biểu đồ tăng trưởng mỗi quý một lần nhằm phát hiện sớm suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì. Trẻ 60 tháng trở lên theo dõi chỉ số khối cơ thể - BMI

- Theo dõi nhiệt độ cơ thể của trẻ khi trẻ đến lớp.

- Lập kế hoạch phục hồi cho trẻ thừa cân béo phì, suy đinh dưỡng nếu có trẻ bị suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì

**2. Nuôi dưỡng.**

- Trẻ có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân. 100% trẻ được đảm bảo an toàn tuyệt đối, không xảy ra ngộ độc, dịch bệnh.

- Trẻ nhận biết được tên các loại thực phẩm, món ăn quen thuôc. Biết được món ăn có lợi cho sức khỏe, món ăn ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe.

- Khuyến khích trẻ ăn hết suất, uống đủ nước theo nhu cầu của cơ thể.

- Hướng dẫn trẻ rửa tay sạch trước khi ăn.

- Hướng dẫn trẻ kê, xếp bàn ghế.

- Chuẩn bị khăn mặt, bát, thìa, cốc uống nước đủ cho từng trẻ.

- Tạo không khí vui vẻ, thoải mái cho trẻ trong khi ăn, nói năng dụi dàng, dộng viên, khuyên khích trẻ ăn hết suất.

- Trong khi ăn, cần chú ý đề phòng trẻ bị hóc, sặc.

- Sau khi ăn hướng dẫn trẻ cất thìa và khay đúng nơi quy định.

- Bố trí chỗ ngủ sạch sẽ, yên tĩnh, thoáng mát về mùa hè, ấm ấp về nùa đông, ánh sáng phù hợp.

- Trẻ biết ăn nhiều rau xanh, ăn nhiều trái cây bổ sung vitamin cho cơ thể khỏe mạnh.

**3. Giáo dục**

**3.1. Phát triển thể chất**

- Khoẻ mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.

- Thực hiện được các vận động cơ bản một cách vững vàng, đúng tư thế.và có một số tố chất vận động nhanh nhẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ.

- Giữ được thăng bằng khi đi trẻ ghế thể dục hoặc tự đi lên – xuống trên ván kê dốc.

- Có khả năng kiểm soát tốt vận động. Thay đổi hướng chạy theo mệnh lệnh.

- Phối hợp chính xác khi tung/ ném/ đập – bắt bóng, có thể ghép, cắt lượn theo khuôn hình, xâu dây giày, cài, coir phéc – mơ – tuya.

- Nhanh nhẹn khéo léo trong chạy nhanh, bò theo đường dích dắt.

**-**Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có kĩ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- Thực hiện được một số công việc đơn giản trong sinh hoạt hằng ngày.

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khoẻ.

- Có một số thói quen, kĩ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khoẻ và đảm bảo sự an toàn của bản thân.

**MT1:** Bật xa tối thiểu 50 cm **(CS1)**

**MT2:** Nhảy xuống được từ độ cao 40cm **(CS2)**

**MT3:** Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động

- Đi lên , xuống ván dốc ( dài 2m rộng 0,3m ) một đầu kê cao 30cm

- Đứng 1 chân và giữ thẳng người trong 10 giây

**MT4:** Đi chạy thay đổi hướng vận động theo hiệu lệnh

**MT5:** Phối hợp tay mắt trong vận động; thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tậptổng hợp:

- Tung, đập và bắt bóng nảy 4 – 5 lần. **(CS 10)**

**-** Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4m) **( CS 3)**

**-** Chạy liên tục theo hướng thẳng 18m trong 10 giây **(CS 12)**

**-** Trèo lên, xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất **(CS 4)**

- Ném trúng đích đứng (xa 2m x cao 1,5m)

**MT6:** Thực hiện các vận động; phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay – mắt trong một số vận động

- Uốn ngón tay, bàn tay, xoay cổ tay.

- Gập mở lần lượt từng ngón tay.

- Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số.

- Cắt được theo đường viền các hình vẽ. **(CS 7)**

- Xếp chồng 12 – 15 khối theo mẫu.

- Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu.

- Tự cài, cởi cúc, xâu dây giày, cài quai dép, đóng mở phéc—mơ-tuya.

**MT7:** Lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt cá.... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng.

**MT8:** Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, nướng, rán, kho...; gạo có

thể nấu cơm, nấu cháo. **(CS 19 )**

**MT9:** Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khoẻ mạnh; không uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khoẻ. **(CS 20)**

**MT10:** Thực hiện một số việc đơn giản:

- Biết rửa tay bằng xa phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn **(CS 15)**

- Tự rửa mặt, chải răng hằng ngày**( CS16)**

**-** Tự mặc và cởi quần áo **( CS 5)**

- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, đi xong dội/ giật nước cho sạch.

**MT11:** Sự dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo.

**MT12:** Có một số hành vi và thói quen trong ăn uống:

- Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn.

- Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn.

- Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.

- Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.

**MT13:** Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh và phòng bệnh : che miệng khi hắt hơi. **(CS17)**

**MT14:** Biết một số nguy cơ không an toàn và phòng tránh: Bàn là, bếp điện, bếp lò, nước sôi, những vật sắc nhọn, ao hồ, bể chứa nước, giếng, bụi rậm...

* Nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm**. (cs 21)**
* Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. **(cs 22)**
* Không chơi những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm. **(cs 23)**

**MT15:** Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: Cháy, có người rơi xuống nước, khi người lạ bế ẵm, ra khỏi nhà.

**MT16:** Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn.

**MT17:** Nhảy lò cò 5m, được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. **(cs 9)**

**MT18:** Đi thăng bằng trên ghế thể dục (2m x 0.25m x 0,35m). **(cs11)**

**MT19:** Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian **( cs13)**

**MT20:** Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút. **(cs14)**

**MT21:** Giữ đầu tóc, quần áo gọn gàng.**(cs18)**

**MT22:** Không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. **(cs24)**

**MT23:** Biết kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. **(cs25)**

**MT24:** Biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc. **(cs26)**

**MT25:** Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục

**MT26:** Bò dích dắc qua 5 điểm cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu

**MT27:** Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh

- Biết: cười đùa trong khi ăn uống, hoặc ăn các loại quả có hạt sẽ dễ bị hóc, sặc......

- Biết không tự ý uống thuốc

- Biết ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ sẽ bị ngộ độc.

**3.2. Phát triển nhận thức**

- Thích tìm tòi khám phá môi trường xung quanh. Hay đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? làm thế nào? Khi nào?

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định, diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

+ Phân loại được một số đối tượng theo2-3 dấu hiệu cho trước. Tìm ra dấu hiệu phân loại.

+ Phân biệt hôm qua hôm nay, ngày mai.

+ Phân biệt bản thân với bạn cùng tuổi.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

**MT28:** Tò mò, tìm tòi, thích khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh: Như đặt câu hỏi: Tại sao? Để làm gì? Làm thế nào? Khi nào?

**MT29:** Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật hiện tượng như sử dụng của các giác quan khác nhau để gọi tên, xem xét lá, hoa, quả.... và thảo luận về các đặc điểm của đối tượng.

**MT30:** Phối hợp các giác quan khác nhau để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng.

**MT31:** Nhận ra sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây, con vật và một số hiện tượng tự nhiên**. (cs93)**

**MT32:** Nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ sống**. ( cs 94 )**

**MT33:** Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra**. (cs 95 )**

**MT34:** Phân loại được một số dồ dùng thông thường theo chất liệu và công dụng. **(cs96)**

**MT35:** Biết giải quyết các vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.

**MT36:** Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hằng ngày. **(cs114)**

**MT37:** Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.

**MT40:** Loại bỏ được một đối tượng không cùng nhóm với đối tượng còn lại. **(cs115)**

**MT41:** Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.

**MT42:** Nhận biết con số phù hợp với số lượng trong phạm vi 10. **(cs104)**

**MT43:**Tách, gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm**. (cs105)**

**MT44:**Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.

**MT45:** Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo**. (cs106)**

**MT46:** Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

**MT47:** Gọi tên và chỉ ra các điểm giống nhau và các khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật. **(cs 107)**

**MT48:** Xác định được vị trí (trong, ngoài, trên, dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với vật khác**. (cs 108)**

**MT49:** So sánh và sử dụng được các từ: To nhất − nhỏ hơn – nhỏ nhất, cao nhất – thấp hơn – thấp nhất, rộng nhất – hẹp hơn – hẹp nhất, nhiều hơn – ít hơn – ít nhất.

**MT50:** Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hằng ngày**.**

**(cs 110 )**

**MT51:** Nói được ngày trên lốc lịch và giờ chẵn trên đồng hồ**.(cs 111)**

**MT52:** Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo quy tắc. **(cs116)**

**MT53:** Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

**MT54:** Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân. **(cs29)**

**MT55:** Ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân. **(cs28)**

**MT56:** Nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình. **(cs27)**

**MT57:** Nói được tên, công việc của cô giáo và các bác nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.

**MT58:** Nói được địa chỉ gia đình, số điện thoại khi được hỏi trò chuyện.

**MT59:** Nói được tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi.

**MT60:** Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.

**MT61:** Kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. **(CS97)**

**MT62:** Nhận biết một vài nét đặc trưng về danh lam thắng cảnh của địa phương và quê hương đất nước.

**MT63:** Kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. **(cs98)**

**MT64:** Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề.

**MT65:** Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.

**MT66:** Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung. **(cs92)**

**MT67:** Gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự. **(cs109)**

**MT68:** Hay đặt câu hỏi. **(cs112)**

**MT69:** Thích khám phá các hiện tượng sự vậy xung quanh. **(cs113)**

**MT70:** Thực hiện một số công việc theo cách riêng của mình. **(cs118)**

**MT71:** Thể hiện ý tưởng của bản thân thông qua các hoạt động khác nhau. **(cs119)**

**MT72:** Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.

**3.3. Phát triển ngôn ngữ**

- Biết lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Diễn đạt được mong muố, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu.

- Hiểu được từ trái nghĩa.

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hoá trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Nhận dạng được chữ cái và phát âm được các âm đó.

- Có một số kĩ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- Đọc và sao chép các kí hiệu.

- Mạnh dạn, tự tin, chủ động trong giao tiếp.

- Giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hằng ngày.

**MT73:** Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.

**MT74:** Hiểu nghĩa một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi. **(CS 63 )**

**MT75:** Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.

**MT76:** Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng, câu chuyện nào đó để người nghe có thể hiểu. **(CS70)**

**MT77:** Sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hằng ngày. **(cs66)**

**MT78:** Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hành động. **(cs69)**

**MT79:** Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện. **(cs72)**

**MT80:** Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh.

**MT81:** Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái,... của nhân vật.

**MT82:** Đọc biểu cảm đồng dao, ca dao, thơ dành cho lứa tuổi của trẻ.

**MT83:** Nghe hiểu nội dung câu chuyện, thơ, đồng dao, ca dao dành cho lứa tuổi của trẻ. **(cs64)**

**MT84:** Kể cô thay đổi một vài tỉnh tiết như thay tên nhân vật, thay đối kết thúc, thêm bớt sự kiện ... trong nội dung truyện.

**MT85:** Đóng được vai của nhân vật trong truyện.

**MT86:** Đặt tên mới cho đồ vật, câu chuyện, đặt lời mới cho bài hát**. (cs117)**

**MT87:** Sử dụng được các từ; “cảm ơn”, “xin lỗi”, “xin phép”, “thưa”, dạ”, “vâng”… phù hợp với tình huống. **( CS77 )**

**MT88:** Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp. **(CS73)**

**MT89:** Kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác. **(cs120)**

**MT90:** Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.

**MT91:** Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra – lối vào, cấm lửa, biển báo giao thông. **(cs82)**

**MT92:** Nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái – Nhận dạng tiếng Việt. **(cs91)**

- Nhận dạng được các nhóm chữ cái

**MT93:** Biết “viết” tên của bản thân theo cách của mình. **(cs89)**

**MT94:** Biết “viết" chữ theo thứ tự từ trái qua phải, từ trên xuống dưới. **(cs90)**

**MT95:** Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. **(cs61)**

**MT96:** Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2, 3 hành động.**(cs62)**

**MT97:** Nói rõ ràng. **(cs65)**

**MT98:** Sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp. **(cs67)**

**MT99:** Sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. **(cs68)**

**MT100:** Kể lại được nội dung câu chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. **(cs71)**

**MT101:** Chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ , nét mặt, ánh mắt phù hợp. **(cs74)**

**MT102:** Không nói leo, ngắt lời người khác khi trò chuyện. **(cs75)**

**MT103:** Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ, điệu bộ, nét mặt, khi không hiểu người khác nói**. (cs76)**

**MT104:** Không nói tục, chửi bậy. **(cs78)**

**MT105:** Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh. **(cs79)**

**MT106:** Thể hiện sự thích thú với sách**. (cs80)**

**MT107:** Có hành vi giữ gìn bảo vệ sách. **(cs81)**

**MT108:** Có một số hành vi như người đọc sách. **(cs83)**

**MT109:** Đọc theo truyện tranh đã biết**. (cs84)**

**MT110:** Biết kể chuyện theo tranh. **(cs85)**

**MT111:** Biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. **(cs86)**

**MT112:** Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩa và kinh nghiệm của bản thân. **(cs87)**

**MT113:** Bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái. **(cs88)**

**3.4. Phát triển tình cảm và kĩ năng xã hội**

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

+ Hợp tác chia sẻ với bạn bè trong các hoạt động.

+ Có hành vi ứng xử đúng với bản thân và những người xung quanh.

+ Có hành vi, hành vi thái độ thể hiện sự quan tâm đến những người gần gũi.

+ Vui vẻ nhậm và thực hiện công việc đươc giao đến cùng.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kĩ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số qui tắc, qui định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

**MT114:** Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, – Bản thể tên bố, tên mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.

**MT 115:** Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và những điều không làm được**.**

**MT 116:** Nói được mình có điểm gì giống và khách bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).

**MT117:** Biết mình là con/cháu/anh/chị/em trong gia đình.

**MT118:** Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.

**MT119:** Chủ động làm một số công việc đơn giản hằng ngày. **(cs33 )**

**MT120:** Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao. **( CS 31)**

**MT121:** Trẻ nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ... qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác **(CS 35)**

**MT122:** Biết thổ lộ cảm xúc: vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ...qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác. **(Cs 36 )**

**MT123:** Biết an ủi, chia vui với người thân và bạn bè **( CS 37)**

**MT124:** Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ

**MT125:**Thể hiện tình cảm với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.

**MT126:** Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hoá truyền thống của quê hương đất nước

**MT127:** Thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình, nơi công cộng.

**MT128:** Biết nói lời cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép **( CS 54)**

**MT129:** Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.

**MT130:** Biết chờ đến lượt **(CS 47)**

**MT131:** Lắng Nghe ý kiến của người khác **( CS 48)**

**MT132:** Trao đổi ý kiến của mình với các bạn **( CS 49)**

**MT133:** Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn. Biết tìm cách giải quyết mâu thuẫn. **(CS 60)**

**MT134:** Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc **(CS 39)**

**MT135**: Bỏ rác đúng nơi quy định.

**MT136:** Có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày **(CS 57)**

**MT137:** Tiết kiệm trong sinh hoạt.

**MT138:** Nói được khả năng và sở thích riêng của bản thân **( CS 29)**

**MT139:** Đề xuất tò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân.( **CS30)**

**MT140:** Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc. **(CS32)**

**MT141:** Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân. **(CS34)**

**MT142:** Thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc và phù hợp với hoàn cảnh. **(cs40)**

**MT143:** Biết kìm chế cảm xúc tiêu cực khi được an ủi, giải thích. **(cs41)**

**MT144:** Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi. **(CS42)**

**MT145:** Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi. **(CS43)**

**MT146:** Thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng, đồ chơi với những người gần gũi. **(CS44)**

**MT147:** Sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. **(CS45)**

**MT148:** Có nhóm bạn chơi thường xuyên. **(CS46)**

**MT149:** Thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè. **(CS50)**

**MT150:** Chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn. **(CS51)**

**MT151:** Sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác. **(cs52)**

**MT152:** Nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác. **(cs53)**

**MT153:** Đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết**. (cs55)**

**MT154:**Nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường. **(CS56)**

**MT155:** Nói được khả năng và sở thích của bạn bè và người thân

**3.5. Phát triển thẩm mĩ**

**-** Thích tìm hiểu và biết bộc lộ cảm xúc phù hợp trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống, các tác phẩm nghệ thuật.

- Thích nghe nhạc, nghe hát và ghe đọc thơ, kể chuyện , chăm chú lắng nghe và nhận ra những gia điệu khác nhau của các bài hát, bản nhạc và vần thơ.

- Hát đứng và biết thể hiện sắc thái tình cảm qua các bài hát mà trẻ yêu thích.

- Biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo các tiết tấu của bài hát, bản nhạc một cách phù hợp.

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

**MT157:** Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng.

**MT158:** Nhận ra giai điệu (vui, buồn, êm dịu) của bài hát hoặc bản nhạc**. (cs 99)**

**MT159:** Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh hoạ phù hợp) theo bài hát, bản nhạc.

**MT160:** Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phủ hợp với sắc thái tình cảm của bài hát qua giọng hát trong hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ. **(cs 100 )**

**MT161:** Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát, bản nhạc với các hình thức nhịp điệu (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa).

**MT162:** Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động các bài hát, theo bản nhạc yêu thích.

**MT163:** Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.

**MT164:**Biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản**. ( cs 102)**

**MT165:**Trẻ biết phối hợp màu sắc, hình dạng, đường nét để tạo ra sản phẩm tạo hình có bố cân đối, màu sắc hài hoà.

**MT166:** Phối hợp các kĩ năng vẽ, cắt, xé dán, để tạo thành một bức tranh có màu sắc hài hoà.

**MT167:** Phối hợp các kĩ năng nặn để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.

**MT168:** Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.

**MT169:** Trẻ nói được ý tưởng thể hiện trong sản phẩm tạo hình của hình**. ( CS103 )**

**MT170:**Trẻ biết cách nhận xét các sản phẩm tạo hình về bố cục, nội dung, màu sắc, hình dáng.

**MT171:** Biết giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn.

**MT172:** Tô kín, không chườm ra ngoài đường viền các hình vẽ. **(CS6)**

**MT173:** Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhăn. **(CS8)**

**MT174:** Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc. **(CS101)**

**MT175:** Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.

**MT 176:** Thể hiện sự thích thú với cái đẹp **(CS38)**

**III. Dự kiến chủ đề giáo dục trong năm:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Chủ đề** | **Chủ đề nhánh** | **Thời gian** |
| T**ựu trường** | | | 29/8/2024 |
| **HỌC KỲ I (18 tuần)** | | | |
| **Ổn định đầu năm** | | | 05/09/2024 -16/09/2024 |
| 1 | **Trường mầm non của bé và ngày hội trăng rằm** | Bé vui hội trăng rằm | 4 tuần  (16//9 - 13/10/2024) |
| Bé vui đến trường |
| Lớp học thân yêu của bé |
| Đồ dùng đồ chơi bé thích |
| 2 | **Bé biết gì về bản thân** | Bé là ai | 3 tuần  (14/10 - 3/11/2024) |
| Cơ thể kỳ diệu của bé |
| Sức khỏe và dinh dưỡng cho bé |
| 3 | **Gia đình thân yêu**  **và cô giáo yêu thương** | Bé và gia đình thân yêu | 4 tuần  (4/11 - 1/12/2024) |
| Ngôi nhà bé yêu |
| Cô giáo của con |
| Đồ dùng trong gia đình bé |
| 4 | **Nghề bé thích và cô chú bộ đội bé yêu** | Ước mơ của bé | 4 tuần  (2/12 - 29/12/2024) |
| Nghề phổ biến quen thuộc |
| Nghề truyền thống của Đông Giang |
| Bé yêu cô chú bộ đội |
| 5 | **Những con vật ngộ nghĩnh** | Con vật ngộ nghĩnh trong gia đình | 3 tuần  (30/12/2024 - 18/01/2025) |
| Côn trùng và động vật sống trong rừng |
| Con vật đáng yêu dưới nước |

**HỌC KỲ II ( 17 Tuần thực học)**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  | Bé và tết quê bé | 1 tuần  20/1/2025 – 26/1/2025 |
| ***Nghỉ Tết Nguyên đán từ ngày 27/01/2025 – 2/02/2025*** | |
| Muôn hoa khoe sắc | 3 tuần  *(*3/2 - 23/02/2025) |
| Bé yêu cây xanh |
| Bé vui cùng rau củ quả |
| 7 | **Phương tiện giao thông và ngày hội cô và mẹ** | PTGT đường bộ bé thích | 4 tuần  (24/2 - 23/3/2025) |
| Bé yêu cô và mẹ |
| Đường thủy và đường hàng không bé yêu |
| Luật lệ giao thông |
| 8 | **Hiện tượng thiên nhiên kỳ thú** | Nước và đời sống con người | 3 tuần  (24/03 - 13/4/2025) |
| Thời tiết và mùa |
| Đất, cát, đá, sỏi |
| 9 | **Quê hương – Đất nước** | Quê hương Đông Giang của bé | 3 tuần  (14/4- 4/5/2024) |
| Thủ đô của bé |
| Bé yêu biển và hải đảo |
| 10 | **Trường Tiểu học và Bác Hồ kính yêu** | Bé biết gì về Trường Tiểu học | 3 tuần  (5/5- 25/5/2024) |
| Bé cần gì để vào lớp 1 |
| Bác Hồ và các em thiếu nhi |

**IV. Dự kiến các hoạt động chuyên môn hỗ trợ phát triển CT GDMN:**

**a. Thực hiện các chuyên đề**

- Lồng ghép giáo dục an toàn giao thông, bảo vệ môi trường, học thông qua chơi có đáp ứng giới, bảo vệ tài nguyên, môi trường biển, hải đảo và ứng phó với biến đổi khí hậu phòng chống thảm họa thiên tai, sử dụng năng lượng tiết kiệm hiệu quả.

- Lồng ghép giáo dục đảm bảo theo quyền con người, quyền trẻ em

- Tiếp cận staem trong giáo dục và chăm sóc trẻ.

- Trang trí môi trường bên trong và bên ngoài lớp học theo chủ đề “Xây dựng trường mầm non xanh – an toàn – thân thiện”.

- Chú trọng về việc “Xây dựng trường học hạnh phúc” trong nhà trường. Lồng ghép chuyên đề “Tôi yêu Việt Nam” vào các chủ đề giáo dục trẻ.

- Tạo dựng môi trường giáo dục tăng cường tiếng Việt dựa trên cơ sở tiếng mẹ đẻ. Với những nơi dân tộc thiểu số có chữ viết, môi trường giáo dục trong trường, lớp được sử dụng bằng lời nói và chữ viết trên nền tiếng mẹ đẻ của trẻ và tiếng Việt.

- Tiếp tục củng cố các chuyên đề “Tổ chức các hoạt động phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội cho trẻ”; “Tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống”; “Đổi mới tổ chức hoạt động phát triển nhận thức trong trường mầm non”; “Tổ chức bữa ăn học đường cho trẻ”.

- Lồng ghép các nội dung quan sát trẻ, dạy học thông qua chơi có đáp ứng giới vào chương trình của giáo viên. Tổ chức nhiều trò chơi sinh động thu hút trẻ thông qua các hoạt động đã được tập huấn do VVOV tài trợ.

- Thực hiện công tác tuyên truyền giáo dục trẻ với cộng đồng về chương trình GDMN.

- Phối hợp tham gia sinh hoạt chuyên môn cụm theo kế hoạch đề ra.

**b. Tham gia hội thi trong năm**

**-** Cấp trường

+ Tham gia hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp trường”

+ Tham gia hội thi “Lễ hội mùa xuân”

+ Tham gia hội thi “Gia đình dinh dưỡng trẻ thơ”

- Cấp huyện

+ Tham gia hội thi “Giáo viên dạy giỏi cấp huyện”

**c. Thực hiện các hoạt động thao giảng và chuyên đề:**

**\* Thao giảng:**

+ Tham gia dự giờ 02 hoạt động thao giảng cấp trường.

**\* Chuyên đề:**

- Tăng cường tiếng việt và làm quen với văn hóa cơ tu – tháng 10/2024

- Hoạt động góc – tháng 12/2024

- Giáo dục tiếp cận staem – tháng 2/2025

**d. Tổ chức và tham gia các kịch bản trong năm**

- Tham gia “Ngày hội đến trường của bé”.

- Tham gia “Vui hội trăng rằm”.

- Tham gia sinh hoạt văn nghệ 20/10, 20/11, 22/12, 8/3, 19/5.

- Tham gia lễ bế giảng, phát thưởng.

**e. Tham quan học tập:**

- Tham gia bồi dưỡng chuyên môn của phòng Giáo dục, của nhà trường và tổ chuyên môn

- Tham gia dự giờ học hỏi các khối, và nhóm lớp

- Phối hợp nhà trường thăm quan nhà truyền thống của địa phương.

- Phối hợp với nhà trường và phụ huynh cho trẻ tham quan trường tiểu học để chuẩn bị tiền đề cho trẻ vào lớp một.

**f. Sự phối hợp với phụ huynh**

- Phối hợp chặt chẽ với phụ huynh để nâng cao chất lượng thực hiện các chuyên đề một cách có hiệu quả (qua các lần hội họp, giờ đón trẻ, qua các tranh ảnh tuyên truyền…).

- Phối hợp với phụ huynh tham gia các ngày hội ngày lễ và các hội thi do nhà trường tổ chức.

- Giáo viên cùng phụ huynh xây dựng môi trường trong và lớp học theo chủ đề “Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo” như ý tưởng thiết kế lớp học, ủng hộ cho lớp những đồ dùng tái chế…

**V. Chỉ tiêu đạt.**

**1. Hoạt động chăm sóc trẻ**

- 100% đảm bảo an toàn tuyệt đối cho trẻ.

- 100 % trẻ được khám sức khỏe đầu vào.

- 100 % trẻ được khám sức khỏe 2 lần /năm

- 100% trẻ được cân đo theo dõi biểu đồ cá thể.

- Tỷ lệ trẻ có sức khỏe bình thường: 100%.

- Tỷ lệ trẻ SDD các thể loại: 0%

- Tỷ lệ trẻ thừa cân – béo phì: 0%

- Suy dinh dưỡng thể thấp còi, thể nhẹ cân giảm xuống còn 0%

- Các lớp cân đo sức khoẻ trẻ đúng thời gian qui định.

- Đôn đốc cho giáo viên theo dõi sức khoẻ trên biểu đồ tăng trưởng, có đồ dùng vệ sinh cá nhân riêng lẻ, thực hiện khâu đảm bảo yêu cầu của nhà trường.

- Các lớp thực hiện nghiêm túc công tác phòng chống dịch bệnh theo mùa đối với trẻ.

**2. Hoạt động nuôi dưỡng**

Thường xuyên cập nhật thông tin đóng góp từ phụ huynh. Đảm bảo không có học sinh bị ngộ độc thức ăn.

Tổ chuyên môn thường xuyên kiểm tra vệ sinh môi trường ở các lớp, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

Giáo viên tuyên truyền với phụ huynh về an toàn thực phẩm về dinh dưỡng trong các bữa ăn nhằm hạn chế trẻ suy dinh dưỡng, thừa cân, béo phì.

Có nhiều biện pháp nâng cao trình độ nhận thức cho CBGV trong trường về kiến thức chăm sóc sức khoẻ cho trẻ.

**3. Hoạt động giáo dục:**

Huy động trẻ trên địa bàn ra lớp trên 100%.

Duy trì sĩ số thường xuyên đạt trên 100%.

Hoạt động vệ sinh:100 %.

Tỷ lệ chất lượng giáo dục theo 5 lĩnh vực phát triển:

+ Lĩnh vực phát triển thể chất: 99,31%

+ Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ: 99,31%

+ Lĩnh vực phát triển nhận thức: 99,31%

+ Lĩnh vực phát triển tình cảm xã hội: 99,31%

+ Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ: 99,31%

+ Tỷ lệ bé chăm, ngoan lớp lớn tà lu là trên 50%

Tỷ lệ bé ngoan: Đạt 100 %.

Tỷ lệ chuyên cần: Đạt 100%.

Khảo sát đánh giá trẻ các độ tuổi đạt 100 %

Trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình: 100%

100% trẻ đến trường được an toàn về thể chất và tinh thần.

100% trẻ biết một số kỹ năng bảo vệ sức khỏe, ứng phó biến đổi khí hậu, sử dụng năng lượng tiết kiệm, lao động tự phục vụ.

100% trẻ 5 tuổi được đánh giá theo mục tiêu và được chuẩn bị tốt tâm thế vào lớp 1. Tuyệt đối không dạy trước chương trình lớp 1.

Trẻ biết giao tiếp, ứng xử với bạn bè, cô giáo và mọi người qua lời nói, cử chỉ. Dạy trẻ biết lễ phép với người lớn, xưng hô đúng chuẩn mực.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 - 2025 của lớp Lớn Tà Lu.

**DUYỆT BGH DUYỆT TCM GIÁO VIÊN LẬP KẾ HOẠCH**

**Phạm Thị Thúy Ngô Bùi Nhật Uyên ABing Thị Nái + ALăng Thị Út**